

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 924/2019/HC-PT

Ngày 27-12-2019

V/v Khiếu kiện quyết định

hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngát - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 757/2018/HCPT ngày 27/12/2018, về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HC-ST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2392/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Bà Lâm Thị L, sinh năm 1944; (vắng mặt)

1.2 Bà Phạm Thị V, sinh năm 1974; (vắng mặt)

1.3 Ông Phạm Ngọc Th, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 1, khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 3, khu phố 2, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Giấy ủy quyền chứng thực số 450, quyển số 01/2019 TP/CC-SCT/CK ngày 29/7/2019 tại UBND phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương), (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã T; địa chỉ: Khu phố 2, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Ngô Quang S - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Giấy ủy quyền số 413/GUQ-UBND ngày 18/02/219), (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1939; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1977; địa chỉ: đường Ng, khu phố 6, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Giấy ủy quyền chứng thực số 36, quyển số 01/2017 TP/CC-SCT/CK ngày 12/01/2017 tại UBND phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương) (vắng mặt).

3.2 Bà Phạm Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Lâm Thị L, bà Phạm Thị V, ông Phạm Ngọc Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời trình bày của các bên đương sự, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ bà Lâm Thị L là người trực tiếp khai phá, quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 2.800m² thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54 tại phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương từ năm 1975 đến nay. Trên đất, gia đình bà Lâm Thị L đã cất nhà ở từ năm 1975. Đến năm 1992 thì gia đình bà Lâm Thị L xây dựng lại nhà cấp 4 mái ngói, tường xây tô, nền gạch men để ở cho đến hiện nay. Xung quanh nhà, gia đình bà Lâm Thị L đã trồng cây lâu năm phủ kín thửa đất số 201.

Hộ gia đình bà Lâm Thị L gồm có các thành viên như sau:

- Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1939 - Chủ hộ;
- Bà Lâm Thị L, sinh năm 1944 (vợ ông Ch) - thành viên trong hộ;
- Bà Phạm Thị V, sinh năm 1974 (con ông Ch, bà L) - thành viên trong hộ;
- Ông Phạm Ngọc Th, sinh năm 1976 (con ông Ch, bà L) - thành viên trong hộ;
- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1984 (con ông Ch, bà L) - thành viên trong hộ;

Năm 2009, bà Lâm Thị L cho rằng ông Phạm Văn Ch lợi dụng việc bà không biết đọc, không biết viết nên đã lừa dối bà ký tên vào Giấy xác nhận tài sản riêng ngày 03/7/2009. Sau đó, ông Phạm Văn Ch tiến hành kê khai, đăng ký diện tích đất 2.800m² thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54 này cho cá nhân ông Phạm Văn Ch. Mặc dù đây là lần kê khai, đăng ký xin hợp thức hóa để công nhận

quyền sử dụng đất lần đầu tiên nhưng UBND phường U không niêm yết công khai trường hợp kê khai, đăng ký đất của ông Phạm Văn Ch theo điểm a khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ nên bà Lâm Thị L, bà Phạm Thị V, ông Phạm Ngọc Thương hoàn toàn không biết việc ông Phạm Văn Ch kê khai, đăng ký phần đất nêu trên cho riêng cá nhân ông Phạm Văn Ch. Đến ngày 10/8/2009, UBND huyện T (nay là thị xã T) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 986360, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H04295 đối với phần đất có diện tích 2.800m² thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54 tại phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương cho cá nhân ông Phạm Văn Ch. Trong khi đó, trên hiện trạng sử dụng đất, cả hộ gia đình bà Lâm Thị L đã cất nhà ở trên thửa đất này, đã trồng cây lâu năm trên thửa đất này nhưng UBND huyện T (nay là UBND thị xã T) chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một mình cá nhân ông Phạm Văn Ch là đã cấp sai đôi tượng sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lâm Thị L, bà Phạm Thị V, ông Phạm Ngọc Th và các thành viên khác còn lại của gia đình. Từ năm 2016, gia đình bà L mới biết việc ông Phạm Văn Ch được UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04295 ngày 10/8/2009.

Nhận thấy, UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04295 ngày 10/8/2009 cho cá nhân ông Phạm Văn Ch mà trong hồ sơ kê khai, đăng ký không có biên bản niêm yết công khai trường hợp này theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ tại UBND thị trấn (nay là phường) U trong thời hạn 15 ngày là trái quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho ông Phạm Văn Ch chuyển tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng chung của hộ gia đình thành tài sản riêng của ông Phạm Văn Ch, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà L.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cá nhân ông Phạm Văn Ch đối với phần đất nêu trên, ông Phạm Văn Ch đã chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác, bỏ mặc vợ con, xin ly hôn với bà Lâm Thị L và có biểu hiện muốn tự định đoạt một mình đối với quyền sử dụng đất nêu trên, thách thức các thành viên còn lại trong hộ gia đình.

Bà Lâm Thị L, bà Phạm Thị V, ông Phạm Ngọc Th khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04295 ngày 10/8/2009 do UBND thị xã T cấp cho ông Phạm Văn Ch.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Ch là ông Vũ Ngọc H trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn Văn là ông ngoại của ông Phạm Văn Ch khai hoang và canh tác từ năm 1937. Bà Đoàn Thị H là mẹ ông Ch tiếp tục canh tác đến năm 1975, để lại cho ông Ng và ông Ch. Cụ thể, tổng diện tích sử dụng đất của ông Ch là 17.860m² gồm đất thổ cư, đất ruộng và đất gò. Năm 1983, ông Ch thực hiện đăng ký ruộng đất, kê khai thuế và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trước đây, ông Ch và bà L có chung sống như vợ chồng và không đăng ký

kết hôn. Ngày 28/11/2000, bà L buộc ông Ch viết giấy ly dị và yêu cầu phân tài sản gồm 4.000m² đất và 01 con trâu. Phần đất có diện tích 2.800m² thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54 có nguồn gốc từ bà Đoàn Thị H. Năm 1987, ông Ch đăng ký kê khai ruộng đất phần đất này và sử dụng ổn định đến nay. Trong quá trình thực hiện việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, bà L có văn bản xác nhận phần đất có diện tích 2.800m² thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54 là tài sản riêng của ông Ch.

Sau đó, UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04295 ngày 10/8/2009 cho ông Phạm Văn Ch được quyền sử dụng thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54 tại phường U là đúng quy định pháp luật. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Ch là ông Vũ Ngọc H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lâm Thị L, bà Phạm Thị V, ông Phạm Ngọc Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày: thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lâm Thị L, bà Phạm Thị V, ông Phạm Ngọc Th và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Theo Công văn số 462/UBND-NC ngày 08/3/2017 của người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND thị xã T là ông Ngô Quang S trình bày:

Ngày 03/7/2009, UBND thị trấn U (nay là phường U) tiếp nhận bộ hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn Ch tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54. Sau khi thẩm tra hồ sơ, UBND thị trấn U (nay là phường U) tiến hành họp lấy ý kiến khu dân cư để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông Ch tại thửa đất nêu trên. Đồng thời, tiến hành công bố công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trụ sở UBND thị trấn U (nay là phường U) từ ngày 03/7/2009 đến ngày 18/7/2009.

Ngày 20/7/2009, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T (nay là Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T) tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ch từ UBND thị trấn U (nay là phường U). Sau khi thẩm tra hồ sơ, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T (nay là Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T) ban hành Bản trích lục bản đồ tỷ lệ 1/1000 đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54 tại thị trấn U (nay là phường U), đồng thời gửi số liệu địa chính đến Chi cục thuế huyện T (nay là thị xã T) để xác định nghĩa vụ tài chính. Ngày 10/8/2009, UBND huyện T (nay là thị xã T) ban hành Quyết định Số 4079/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các cá nhân, hộ gia đình đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những nội dung trên, UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04295 do UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp ngày 10/8/2009 cho ông Phạm Văn Ch là đúng quy định pháp luật. Do đó, UBND thị xã T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L, bà Phạm Thị V, ông Phạm Ngọc Th về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04295 do UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp ngày 10/8/2009

cho ông Phạm Văn Ch.

Tại Bản án sơ thẩm số 20/2018/HC-ST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 79, Điều 116, Điều 134, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và Điều 362 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 3, 4 Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L, bà Phạm Thị V, ông Phạm Ngọc Th đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04295 do UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp ngày 10/8/2009 cho ông Phạm Văn Ch.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo.

Ngày 20/8/2018, người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 03/9/2019, người khởi kiện bà Lâm Thị L nộp văn bản “Đơn xin rút đơn khởi kiện” đề ngày 29/7/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện vắng mặt và không thay đổi Đơn xin rút đơn khởi kiện.

Người bị kiện là UBND thị xã T vắng mặt nhưng có văn bản trình bày: UBND thị xã T không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của bà Lâm Thị L, bà Phạm Thị V, ông Phạm Ngọc Th và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện hợp lệ, đúng hạn luật định, đề nghị được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng đúng trình tự, thủ tục theo quy định, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tổ tụng hành chính quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà L, bà Vui, ông Thương, bác yêu cầu khởi kiện về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04295 do UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp ngày 10/8/2009 cho ông Phạm Văn Ch, giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện vắng mặt và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Thái Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bị kiện UBND thị xã T vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến. Căn cứ khoản 2, Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bị kiện.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố “Đơn xin rút đơn khởi kiện” đề ngày 29/7/2019 của người khởi kiện về việc xin rút toàn bộ đơn khởi kiện và công bố Công văn số 5314/UBND-NC ngày 10/12/2019 của UBND thị xã T có nội dung không đồng ý việc rút đơn của bà L, bà Vui, ông Thương. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của Giấy chứng nhận QSDĐ bị kiện:

Ngày 03/7/2009, UBND thị trấn U (nay là phường U) tiếp nhận bộ hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn Ch tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54 có diện tích 2.800m². Sau khi thẩm tra hồ sơ, UBND thị trấn U (nay là phường U) tiến hành họp lấy ý kiến khu dân cư để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông Ch tại thửa đất nêu trên. Đồng thời, tiến hành công bố công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trụ sở UBND thị trấn U (nay là phường U) từ ngày 03/7/2009 đến ngày 18/7/2009.

Ngày 20/7/2009, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T (nay là Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T) tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ch từ UBND thị trấn U (nay là phường U). Sau khi thẩm tra hồ sơ, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T (nay là Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T) ban hành Bản trích lục bản đồ tỷ lệ 1/1000 đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54 tại thị trấn U (nay là phường U), đồng thời gửi số liệu địa chính đến Chi cục thuế huyện T (nay là thị xã T) để xác định nghĩa vụ tài chính.

Ngày 10/8/2009, UBND huyện T (nay là thị xã T) ban hành Quyết định số 4079/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các cá nhân, hộ gia đình đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung của quyết định bị khởi kiện:

Về nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn Văn là ông ngoại của ông Phạm Văn Ch khai hoang và canh tác từ năm 1937. Bà Đoàn Thị H là mẹ ông Ch tiếp tục canh tác đến năm 1975, để lại cho ông Ng và ông Ch. Cụ thể, tổng diện tích sử dụng đất của ông Ch là 17.860m² gồm đất thổ cư, đất ruộng và đất gò. Năm 1983, ông Ch thực hiện đăng ký ruộng đất, kê khai thuế và được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Trước đây, ông Ch và bà L có chung sống như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Ngày 28/11/2000, bà L buộc ông Ch viết giấy ly dị và yêu cầu phân chia tài sản gồm 4.000m² đất và 01 con trâu. Phần đất có diện tích 2.800m² thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54 có nguồn gốc từ bà Đoàn Thị H. Năm 1987, ông Ch đăng ký kê khai ruộng đất phần đất này và sử dụng ổn định đến nay. Trong quá trình thực hiện việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, bà L có văn bản xác nhận phần đất có diện tích 2.800m² thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54 là tài sản riêng của ông Ch.

Theo lời khai của bà L thì bà cho rằng đất này do hộ bà L trực tiếp khai phá và quản lý sử dụng từ năm 1975 đến nay nhưng không có chứng cứ nào chứng minh. Tuy nhiên tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất ngày 03/7/2009 của UBND thị trấn U (BL 91) xác định nguồn gốc sử dụng đất của thửa 201 là của ông Ch được thừa kế năm 1985. Như vậy lời trình bày về nguồn gốc thửa đất được cấp GCN đang tranh chấp là do phía gia đình ông Ch để lại cho ông Ch là phù hợp, có căn cứ.

Theo Văn bản “*Giấy xác nhận tài sản riêng*” ngày 03/7/2009 được UBND phường U chứng thực, đây là văn bản có giá trị xác nhận quyền sở hữu hợp pháp đối với diện tích đất 2.800m² thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Phía người khởi kiện phủ nhận Giấy xác nhận ngày 03/7/2009 vì cho rằng bà L không biết chữ nên bị ông Phạm Văn Ch lừa dối ký tên vào văn bản này. Bà L đã thừa nhận và đại diện UBND phường U xác nhận việc bà L ký tên vào Giấy xác nhận ngày 03/7/2009 là đúng.

Bà L đã yêu cầu giám định chữ ký và tại Kết luận giám định số 3853/C54B ngày 02/3/2018 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh không xác định được chữ ký trên “*Giấy xác nhận tài sản riêng*” ngày 03/7/2009 có phải do bà L ký ra hay không. Kết luận này cũng không đủ cơ sở kết luận bà L có biết đọc, biết viết hay không. Hơn nữa, việc bà L trực tiếp đến trụ sở UBND phường U ký Giấy xác nhận ngày 03/7/2009 nhưng bà lại không yêu cầu ông Ch hoặc người khác như cán bộ phường đọc lại rõ ràng nội dung văn bản trước lúc ký, thì bà L phải chịu trách nhiệm về văn bản mà bà ký. Xác nhận của người làm chứng là bà Nguyễn Thị T và bà Đoàn Thị L (BL 130, 131) chỉ mang tính chất tham khảo chứ không phải chứng cứ bởi các văn bản này không được công chứng hoặc chứng thực. Do đó không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà L. Từ đó công nhận tính hợp pháp của “*Giấy xác nhận tài sản riêng*” ngày 03/7/2009.

Quá trình thẩm tra hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất của ông Ch, UBND thị trấn U (nay là phường U) tiến hành họp lấy ý kiến khu dân cư để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông Ch tại thửa đất nêu trên. Đồng thời, tiến hành công bố công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trụ sở UBND thị trấn U (nay là phường U) từ ngày 03/7/2009 đến ngày 18/7/2009, bà L và các con đều biết, nhưng không có khiếu nại và tranh chấp. Do đó, UBND huyện T (nay là thị xã T) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04295 do UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp ngày 10/8/2009 cho ông Phạm Văn Ch là có căn cứ, phù hợp pháp luật quy định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Lâm Thị L, bà Phạm Thị V, ông Phạm Ngọc Th, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc bác kháng cáo, giữ y án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HC-ST ngày 13/8/2018 của TAND tỉnh Bình Dương.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lâm Thị L, bà Phạm Thị V, ông Phạm Ngọc Th về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04295 ngày 10/8/2009 do UBND thị xã T cấp cho ông Phạm Văn Ch.

2. Về án phí: Người khởi kiện là bà Lâm Thị L, bà Phạm Thị V, ông Phạm Ngọc Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai số 0026839, 0026840, 0026841 cùng ngày 04/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thanh Dũng

Phạm Thị Duyên

Nguyễn Đắc Minh